

Bản án số: 87/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2021

*V/v ly hôn giữa chị T
và anh T*

NHÂN DANH

**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoan

Bà Nguyễn Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn và chia tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1979 (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy T sinh năm 1970 (Có mặt)

Đều ở địa chỉ: Thôn Trại Giữa, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 15/01/2019, chị và anh Nguyễn Duy T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam. Việc kết hôn được thực hiện theo đúng

trình tự, thủ tục quy định của pháp luật trên cơ sở sự tự do tìm hiểu, tự do yêu đương và được ghi vào sổ đăng ký kết hôn của UBND xã Cẩm Lý.

Tuy nhiên, chị đã về chung sống với anh T từ tháng 5/2018 đến tháng 8/2019, giữa chị và anh T đã nảy sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng thường xuyên hơn, trầm trọng hơn trong suốt quá trình chung sống. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, có lúc đã xảy ra xô xát. Ngày 05/9/2019, do mâu thuẫn, chị đã về gia đình mẹ đẻ sống, vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm với nhau từ đó. Nay, chị thấy giữa vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

** Về con chung, công nợ, ruộng canh tác:* Không có. Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Về tài sản:* Kể từ khi chị về chung sống với anh T đến khi vợ chồng ly thân, chị và anh T phát triển được tài sản gồm: 01 giường gỗ trị giá 2.000.000đ, 01 điều hòa trị giá 6.800.000đ, 01 tủ lạnh trị giá 9.840.000đ, 01 máy lọc nước trị giá 4.000.000đ, 01 tủ ba buồng gỗ trị giá 5.200.000đ, 01 nồi cơm điện trị giá 2.000.000đ, 01 quạt điện trị giá 240.000đ, 01 bàn thờ gỗ trị giá 9.000.000đ, 01 máy giặt trị giá 6.420.000đ, 01 trần nhựa chống nóng 15m² trị giá 1.800.000đ, 01 gian nhà cấp 4 có diện tích 15m² trị giá 29.160.000đ, 01 nền nhà lát gạch có diện tích 35m² trị giá 2.450.000đ, 01 mái lợp proximang có diện tích 44,4m² trị giá 6.393.600đ, 01 cũi chó sắt trị giá 400.000đ. Theo biên bản định giá ngày 19/8/2021. Toàn bộ tài sản này hiện anh T đang quản lý, sử dụng. Nay chị đề nghị Tòa án giao toàn bộ tài sản này cho anh T quản lý, sử dụng, buộc anh T chia trả chị bằng tiền theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn là anh Nguyễn Duy T xác nhận một phần lời khai trên, trình bày trong các bản tự khai và tại phiên tòa: Anh và chị T mâu thuẫn từ tháng 10/2020. Do chị T không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình nhưng luôn về gia đình mẹ đẻ sống. Khoảng nửa năm lại đây chị T đã không về sống chung với anh, hiện sống và làm ăn ở đâu anh không biết. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung, công nợ, ruộng canh tác: Không có, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác nhận vợ chồng phát triển được tài sản gồm: 01 giường gỗ trị giá 2.000.000đ, 01 điều hòa trị giá 6.800.000đ, 01 tủ lạnh trị giá

9.840.000đ, 01 máy lọc nước trị giá 4.000.000đ, 01 tủ ba buồng gỗ trị giá 5.200.000đ, 01 nồi cơm điện trị giá 2.000.000đ, 01 quạt điện trị giá 240.000đ, 01 bàn thờ gỗ trị giá 9.000.000đ, 01 máy giặt trị giá 6.420.000đ, 01 trần nhựa chống nóng 15m² trị giá 1.800.000đ, 01 gian nhà cấp 4 có diện tích 15m² trị giá 29.160.000đ, 01 nền nhà lát gạch có diện tích 35m² trị giá 2.450.000đ, 01 mái lợp proximang có diện tích 44,4m² trị giá 6.393.600đ, 01 cũi chó sắt trị giá 400.000đ. Theo biên bản định giá ngày 19/8/2021. Nhưng 01 gian nhà cấp 4 và 01 cũi chó là không thuộc tài sản chung mà thuộc tài sản riêng do anh phát triển được trước khi anh và chị T đăng ký kết hôn. Nay anh không chấp nhận tài sản này là tài sản chung của anh và chị T phát triển được để phân chia. Toàn bộ tài sản chung, riêng hiện anh đang quản lý, sử dụng và đề nghị Tòa án chia đôi tài sản này bằng hiện vật, không chấp nhận yêu cầu của chị T chia trả bằng tiền.

Tại phiên tòa hôm nay anh vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án thực hiện nghiêm theo trình tự quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS, đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án.

Áp dụng Điều 33; Điều 51; Điều 55; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 147; Điều 165, Điều 228; §100 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 357 BLDS năm 2015, Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Duy T.

Về tài sản:

Giao cho anh Nguyễn Duy T sở hữu, sử dụng 01 giường gỗ, 01 điều hòa, 01 tủ lạnh, 01 máy lọc nước, 01 tủ ba buồng gỗ, 01 nồi cơm điện, 01 quạt điện, 01 bàn thờ gỗ, 01 máy giặt, 01 trần nhựa chống nóng 15m², 01 gian nhà cấp 4 có diện tích 15m², 01 nền nhà lát gạch có diện tích 35m², 01 mái lợp proximang có diện tích 44,4m², 01 cũi chó sắt. Tổng trị giá tài sản là 85.703.600đ (Tám mươi lăm triệu bảy trăm linh ba nghìn sáu trăm đồng). Nhưng có trách nhiệm chia trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 42.851.800đ (Bốn mươi hai triệu tám trăm năm mươi nghìn tám trăm đồng).

Về tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản: Buộc anh Nguyễn Duy T trả chị T 2.000.000đ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[2] *Về tố tụng:* Tòa án đã giao các quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88 ngày 19/8/2021 và quyết định ngừng phiên tòa cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Duy T là hoàn toàn tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình. Ngày 15/8/2019 vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ đó đến nay tình cảm không còn.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, tại phiên tòa chị T, anh T thuận tình ly hôn. Do vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Duy T là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Chị T xác nhận chị về chung sống với anh T từ tháng 5/2018. Nhưng đến ngày 15/01/2019 chị và anh T mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống chị và anh T phát triển được tài sản gồm: 01 giường gỗ trị giá 2.000.000đ, 01 điều hòa trị giá 6.800.000đ, 01 tủ lạnh trị giá 9.840.000đ, 01 máy lọc nước trị giá 4.000.000đ, 01 tủ ba buồng gỗ trị giá 5.200.000đ, 01 nồi cơm điện trị giá 2.000.000đ, 01 quạt điện trị giá 240.000đ, 01 bàn thờ gỗ trị giá 9.000.000đ, 01 máy giặt trị giá 6.420.000đ, 01 trần nhựa chống nóng 15m² trị giá 1.800.000đ, 01 gian nhà cấp 4 có diện tích 15m² trị giá 29.160.000đ, 01 nền nhà lát gạch có diện tích 35m² trị giá 2.450.000đ, 01 mái lợp proximang có diện tích 44,4m² trị giá 6.393.600đ, 01 cũi chó sắt trị giá 400.000đ. Phía anh T không chấp nhận toàn bộ tài sản vợ chồng phát triển được theo như chị T xác nhận trên vì trước khi chị T về chung sống

với anh thì 01 gian nhà cấp 4 có diện tích 15m² và 01 cũi chó sắt là do anh đã phát triển được, chị T không có công sức đóng góp nên anh không chấp nhận là tài sản chung của anh và chị T để phân chia.

HĐXX nhận thấy: Ngày 15/01/2019 chị T và anh T mới làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại các biên bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa chị T và anh T đều xác nhận trước khi đăng ký kết hôn chị T đã về chung sống với anh T như vợ chồng từ tháng 5/2018. Khi chị T về chung sống với anh T, đến khi chị T về mẹ đẻ ở, chị T và anh T đã phát triển được toàn bộ khối tài sản trên, trong đó có 01 gian nhà cấp 4 và 01 cũi chó sắt. Ngoài lời khai của anh T và chị T thì tại các biên bản lấy lời khai của những người bán vật liệu xây dựng cho chị T, anh T gồm: Chị Anh, bà Dung, ông Viên đều xác nhận thời gian tháng 5/2019 đã chở vật liệu xây dựng đến nhà anh T, chị T để bán cho anh T, chị T làm nhà. Anh T, chị T đã trả tiền và đến tại cửa hàng của chị Anh, bà Dung mua vật liệu xây dựng về xây dựng nhà và các công trình khác. Nên đã có đủ căn cứ xác định 01 gian nhà cấp 4, 01 cũi chó sắt là tài sản chung của chị T và anh T phát triển được trong thời gian chung sống với nhau. Do vậy tổng tài sản chung của chị T, anh T phát triển được là 85.703.600đ. Có được số tài sản trên là do công sức của chị T, anh T phát triển được, nay cần chia đôi.

Hiện số tài sản này anh T đang quản lý, sử dụng. Phía chị T đề nghị Tòa án giao toàn bộ tài sản này cho anh T tiếp tục được quản lý, sử dụng, chia trả chị bằng tiền. Nhưng phía anh T đề nghị Tòa án chia toàn bộ số tài sản trên bằng hiện vật, anh không nhất trí chia trả chị T bằng tiền. HĐXX nhận thấy: Hiện toàn bộ số tài sản chung của chị T, anh T, hiện anh T đang quản lý, sử dụng. Để thuận tiện cho việc sử dụng tài sản và giữ nguyên giá trị sử dụng tài sản nay cần giao toàn bộ tài sản này cho anh T tiếp tục sử dụng, buộc anh T trích trả chị T bằng tiền, xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về tiền chi phí thẩm định định giá tài sản:

Chị T đã nộp cho Tòa án số tiền 4.000.000đ để Tòa án chi phí cho hội đồng thẩm định định giá tài sản. Tòa án đã chi phí hết cho Hội đồng định giá số tiền 4.000.000đ. Nay chị T yêu cầu anh T trả lại chị 2.000.000đ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Xét thấy yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định pháp luật nên cần buộc anh T phải thanh toán trả cho chị T 2.000.000đ tiền chi phí thẩm định định giá tài sản.

[7] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 75.000đ tiền án phí ly hôn và 2.142.500đ tiền án phí chia tài sản.

Anh Nguyễn Duy T phải chịu 75.000đ tiền án phí ly hôn và tiền án phí chia tài sản 2.142.500đ.

[8] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 33; Điều 51; Điều 55; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 147; Điều 165, Điều 228; §10u 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 357 BLDS năm 2015, Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Duy T.

2. Về tài sản:

Giao cho anh Nguyễn Duy T sở hữu, sử dụng 01 giường gỗ, 01 điều hòa, 01 tủ lạnh, 01 máy lọc nước, 01 tủ ba buồng gỗ, 01 nồi cơm điện, 01 quạt điện, 01 bàn thờ gỗ, 01 máy giặt, 01 trần nhựa chống nóng 15m², 01 gian nhà cấp 4 có diện tích 15m², 01 nền nhà lát gạch có diện tích 35m², 01 mái lợp proximang có diện tích 44,4m², 01 cũi chó sắt. Tổng trị giá tài sản là 85.703.600đ (Tám mươi lăm triệu bảy trăm linh ba nghìn sáu trăm đồng). Nhưng có trách nhiệm chia trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 42.851.800đ (Bốn mươi hai triệu tám trăm năm mươi nghìn tám trăm đồng).

Về tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản: Buộc anh Nguyễn Duy T trả chị T 2.000.000đ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 75.000đ tiền án phí ly hôn và 2.142.500đ án phí chia tài sản. Nhưng được trừ vào số tiền 4.000.000đ chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0005384 ngày 22/6/2021 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Hoàn trả chị T số tiền 1.782.500đ. Chị T đã nộp đủ.

Anh Nguyễn Duy T phải chịu 75.000đ tiền án phí ly hôn và 2.142.500đ án phí chia tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được THA có đơn đề nghị THA cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng b^an phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật THA dân sự thì người được THA dân sự, người phải THADS có quyền thỏa thuận THA yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các điều 6,7,7^a,7b và điều 9 Luật THA dân sự thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THA dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Cẩm Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Toan